

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Xây dựng đường Tây Thăng Long đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng thuộc địa bàn quận Bắc Từ Liêm.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2024 của UBND quận Bắc Từ Liêm)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN:

- Họ và tên người sử dụng đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

Ông Trần Quý Thắng
- Hộ khẩu thường trú:

TT Đồng Xa, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy
- Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

Ông Trần Quý Thắng
- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

TDP Viên 3, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm
- Tổng số nhân khẩu hiện tại nơi thu hồi đất:

00 khẩu (Trong đó: 0 khẩu đủ điều kiện hỗ trợ và 0 khẩu không đủ điều kiện hỗ trợ)
- Tổng diện tích đất đang sử dụng:

112,2 m²;

Trong đó:

+ Diện tích đất trong chi giới thu hồi tại dự án:

112,2 m²;

Trong đó:

++ Đất phi nông nghiệp (cơ quan) do Viện cây trồng quản lý, người sử dụng đất đã tự sử dụng và chuyển sang để ở từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004

100,9 m²;

++ Đất có nguồn gốc là đất phi nông nghiệp (giao thông) do UBND phường quản lý, người sử dụng đất đã tự sử dụng và chuyển sang để ở từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004

11,3 m²;

+ Diện tích đất ngoài chi giới thu hồi tại dự án:

0 m²;

- Vị trí thửa đất:

Vị trí 1 đường phố Viên

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Stt	Nội dung bồi thường, hỗ trợ đất	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ BT, HT (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất cơ quan do Viện cây trồng quản lý. Người sử dụng đất đã tự chuyển sang mục đích để ở từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/07/2004	m2	60,0	12.528.000	20%	150.336.000	Áp dụng vị trí 1 bảng giá số 5, Quyết định 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội; - Áp dụng chính sách theo Văn bản số 2946/UBND-TNMT ngày 09/9/2022 của UBND thành phố Hà Nội - Không quá 60m2/chủ sử dụng.
2	Đất cơ quan do Viện cây trồng quản lý. Người sử dụng đất đã tự chuyển sang mục đích để ở từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/07/2004	m2	40,9	0	0%	0	
3	Đất giao thông do UBND phường quản lý	m2	11,3	0	0%	0	
	Tổng cộng: (A)					150.336.000	

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi:

2.1. Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 ND 43/2014/ND-CP: Không có

Stt	Tên tài sản (loại nhà, công trình, quy cách...)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Giá trị xây mới	Thời gian khấu hao (năm)	Thời gian đã qua sử dụng (năm)	Giá trị hiện có	Mức bồi thường	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(6)x(10)x(11)	(13)
	Tổng tiền: (B)										0	

2.2. Hỗ trợ đối với nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 ND 43/2014/ND-CP:

Stt	Tên tài sản (loại nhà, công trình, quy cách...)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Giá trị xây mới	Thời gian khấu hao (năm)	Thời gian đã qua sử dụng (năm)	Giá trị hiện có	Mức bồi thường	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(6)x(10)x(11)	(13)
1	Nhà 01 tầng tường 110 bờ trụ, tường bao quanh cao 3,6m; mái tôn chống nóng; nền bê tông có gác xếp, có khu phụ											Thời điểm xây dựng công trình năm 2003 theo xác nhận số 141/GXN của UBND phường Cổ Nhuế 2 ngày 08/5/2024 (phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 30/11/2020)
-	Tầng 1: S thu hồi = 112,2m2	m2	112,2	2.620.000	293.964.000	20	21		60%	50%	88.189.200	
-	Gác xếp gỗ khung sắt	m2	80,8	474.000	38.299.200	20	21		60%	50%	11.489.760	
2	Nhà tạm quây tôn chống nóng cao 2,7m; mái lợp tôn chống nóng; sàn gỗ, không có khu phụ, S=15,3m2	hạng mục	1,0	13.948.000	13.948.000	20	21		60%	50%	4.184.400	
	Tổng tiền: (C)										103.863.360	

2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,...): Không có

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng tiền: (D)					0	

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác

Stt	Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
1	Bồi thường chi phí di chuyển tài sản:	Chủ sử dụng	1	5.000.000	5.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở:	Khâu	0		0	
3	Hỗ trợ gia đình chính sách, gia đình đang hưởng trợ cấp xã hội khi phải di chuyển chỗ ở:	Chủ sử dụng			0	
4	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng:				0	Sẽ phê duyệt bổ sung sau khi hộ gia đình bàn giao mặt bằng đúng thời hạn
5	Hỗ trợ tái định cư (nếu có):				0	
	Tổng tiền: (E)				5.000.000	

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (theo K1 Đ30 ND 47/2014/ND-CP) (nếu có): Không có

5. Phương án tái định cư: Không đủ điều kiện

5.1. Phương án mua căn hộ chung cư tái định cư: Được xét mua 01 căn hộ TĐC theo K2, Đ27 QĐ 10/2017/QĐ-UBND

Stt	Thông tin về căn hộ chung cư tái định cư	Diện tích căn hộ (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Số tiền phải nộp để mua căn hộ chung cư tái định cư (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)x(4)	(6)
	Tổng cộng: (G)				

5.2. Phương án hỗ trợ tự lo tái định cư: Hộ gia đình nếu có đơn tự lo tái định cư. Sẽ phê duyệt bổ sung sau khi tổ chức bắt thăm nhà tái định cư

Stt	Thông tin về căn hộ chung cư tái định cư	Diện tích căn hộ (m2)	Mức hỗ trợ (đồng/m2)	Tiền hỗ trợ tự lo tái định cư (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)x(4)	(6)
	Tổng cộng: (H)				

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: (F)+(G)

V. Tổng tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV)

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

0 đồng

259.199.360 đồng

Bằng chữ: Hai trăm năm mươi chín triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi đồng./.

Bắc Từ Liêm, ngày tháng 7 năm 2024

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Ngọc Vân